

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **317/2022/HC-PT**

Ngày: 02/8/2022

*V/v “Khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:*** Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 282/2021/TLPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2021 về việc “Yêu cầu huỷ quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2021/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6473/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị A; Địa chỉ: Thôn P1, xã N, huyện T1, tỉnh T; ông N có mặt, bà A vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị A: Anh Nguyễn Thành M; Trú tại: Thôn P2, xã N, huyện T1, tỉnh T; (Văn bản ủy quyền khiếu nại ngày 04/4/2022); có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh T;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh T;

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Đ; chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu D; chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 867/UQ-UBND ngày 05/4/2022); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã N, huyện T1, tỉnh T; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Bản án sơ thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Thành N trình bày:*

Gia đình ông và vợ là bà Lê Thị A được quyền sử dụng diện tích đất 630m² thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 03 tại thôn P1, xã N, huyện T1, T. Về nguồn gốc thửa đất: Năm 1984 gia đình ông mua của ông Nguyễn Thành B diện tích 330m², sau đó gia đình ông được chuyển đổi phần đất phần trăm ngoài đồng chuyển về theo chương trình quy hoạch lại ruộng đất. Từ đó diện tích gia đình ông là 630m².

Gia đình ông đã sử dụng đất ổn định và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, quá trình sử dụng không có tranh chấp với ai. Năm 2004, gia đình ông kê khai và đã được UBND huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 166091 là thửa số 126, tờ bản đồ số 03, diện tích đất ở là 630m². Từ đó đến nay gia đình ông quy hoạch đất gọn gàng, sử dụng ổn định.

Ông Nguyễn Thành L ở gần nhà ông là người chuyên đi kiện cáo đã kiện đến UBND xã N và UBND huyện T1 về diện tích đất của gia đình ông. Không biết UBND huyện T1 căn cứ vào đâu mà lại xác định đất của gia đình ông là đất sử dụng không hợp pháp và ban hành Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà ông.

Sau đó gia đình ông đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T1. Ngày 03/7/2020, UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của ông.

Ông khẳng định gia đình ông không lấn chiếm, không có tranh chấp với ai, ông đã đóng đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, đất của ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND huyện T1 ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông là không đúng quy định pháp luật, ông không chấp nhận.

Vì vậy ông làm đơn khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh T hủy Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 166091 của UBND huyện T1.

** Đại diện người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh T trình bày:*

Theo hồ sơ địa chính 299 xã N, huyện T1, tỉnh T lập năm 1984 thì hộ ông Nguyễn Thành N có thửa đất số 90b, tờ bản đồ số 7, diện tích 330m² (hộ ông N mua lại của ông Nguyễn Thành B); Theo hồ sơ địa chính đo đạc năm 2004, hộ ông Nguyễn Thành N có thửa đất số 126, tờ bản đồ số 3, diện tích 630m².

Thửa đất số 90b, tờ bản đồ số 7, diện tích 330m² là đất lịch sử, được Nhà nước công nhận là đất ở. Sau khi xã N mở con đường sau làng P1, P đã hình thành diện tích đất xen kẹt ở giữa con đường mới và đất của một số hộ, trong đó có hộ ông Nguyễn Thành N. Các hộ đã tự ý lấn chiếm, sử dụng diện tích đất xen kẹt này. Phần diện tích đất 300m² tăng lên so với hồ sơ địa chính 299 của hộ ông Nguyễn Thành N là phần diện tích đất xen kẹt nêu trên.

Hồ sơ lưu trữ tại UBND xã N không chứng minh được thời điểm mở đường giao thông, bản đồ 299 cũng không thể hiện đường giao thông mới mở cũng như phần diện tích đất xen kẹt. Vì vậy phần diện tích đất xen kẹt mà hộ ông N sử dụng là sau năm 1984. Nhưng không có cơ sở để xác định hộ ông Nguyễn Thành N sử dụng đất trước hay sau ngày 15/10/1993. Do đó phần diện tích đất của hộ ông N tự ý lấn chiếm không được công nhận là đất ở.

Thời điểm lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông N thì đối với phần đất xen kẹt sau khi làm đường giao thông, hộ ông N đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới xã N đến năm 2020 nên đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Quyết định số 558/2006/QĐ-UB ngày 03/3/2006 của UBND tỉnh T ban hành quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh T. Việc xác định nghĩa vụ tài chính khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thành N phải căn cứ vào thời điểm hộ ông N sử dụng phần diện tích đất xen kẹt được hình thành sau khi làm đường giao thông và các quy định của pháp luật hiện hành.

Năm 2005, UBND xã N hướng dẫn hộ ông Nguyễn Thành N kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã kê khai thửa đất số 126, tờ bản đồ số 03 với toàn bộ diện tích 630m² đều là đất ở. Việc kê khai toàn bộ diện tích là đất ở mà chưa làm rõ nguyên nhân, nguồn gốc, thời điểm sử dụng của phần diện tích đất tăng thêm để đề nghị UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dẫn đến UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N với toàn bộ diện tích 630m² đất ở là không đúng với quy định của Luật đất đai 2003, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai và Quyết định số 558/2006/QĐ-UB ngày 03/3/2006 của UBND tỉnh.

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu về quản lý đất đai qua các thời kỳ, các quy định của pháp luật có liên quan. UBND huyện T1, tỉnh T đã xem xét giải quyết theo đúng quy định, đúng thẩm quyền. Do đó việc ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị

A yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND huyện T1, tỉnh T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã N, huyện T1, tỉnh T trình bày: Thống nhất với quan điểm của người bị kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2021/HC-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Điều 103; điểm d khoản 2 Điều 106; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ: khoản 3 Điều 345; khoản 1 Điều 348 Luật TTHC; đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị A về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị A.

Giữ nguyên Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND huyện T1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2021, người khởi kiện là ông Nguyễn Thành N có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thành N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và bà Lê Thị A vì cho rằng gia đình ông sử dụng đất ổn định không lấn chiếm, không có tranh chấp với ai, ông đã đóng đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, đất của gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Việc UBND huyện T1 ban hành quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông là không đúng quy định pháp luật. Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 không khách quan, không vì lợi ích chính đáng của nhân dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Các quyết định hành chính bị khởi kiện của người bị kiện đã đảm bảo trình tự, thủ tục, thẩm quyền đúng theo quy định của pháp luật. Năm 2005, ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị A kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 630m² đất ở nhưng ông, bà không chứng minh được đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với 300m² đất tăng lên so với hồ sơ địa chính 299 và không có cơ sở để xác định gia đình ông sử dụng phần diện tích đất này trước hay sau ngày 15/10/1993. Do đó, Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND huyện T1, tỉnh T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị A để cấp đổi lại theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện T1 không chấp nhận khiếu nại của ông N là đúng pháp luật. Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông N, bà A là có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành N, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị A khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thành N, bà Lê Thị A và Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh T là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Tòa án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Căn cứ vào kết quả xác minh theo kết luận số 556/KL-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh T về nội dung tố cáo của ông Nguyễn Thành L, thôn P1, xã N, huyện T1, ngày 08/6/2020 UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 1055/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ của hộ gia đình ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị A và Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 là đúng hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu ban hành theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013 và Luật khiếu nại, tố cáo.

[4] Về nội dung: Năm 1984, hộ ông Nguyễn Thành N có mua của ông Nguyễn Thành B diện tích 330m² đất thuộc thửa số 90b, tờ bản đồ số 7 (bản đồ 299, xã N, huyện T1, tỉnh T). Đây là đất lịch sử được Nhà nước công nhận là đất ở. Sau khi xã N mở con đường sau làng P1, P đã hình thành diện tích đất xen kẹt giữa con đường mới và đất của một số hộ dân đang sử dụng, trong đó có hộ ông

Nguyễn Thành N. Năm 2004, đo đạc địa chính thì diện tích đất thực tế hộ gia đình ông N sử dụng là 630m² thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 3. Phần diện tích đất 300m² tăng lên so với hồ sơ địa chính 299 của hộ ông Nguyễn Thành N là phần diện tích đất xen kẹt giữa đất ông N mua của ông B và đường làng P1. Năm 2005, ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị A kê khai, đăng ký đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 630m² đất ở.

[5] Việc xác định nghĩa vụ tài chính khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thành N phải căn cứ vào thời điểm hộ ông N sử dụng phần diện tích đất xen kẹt được hình thành sau khi làm đường giao thông và các quy định của pháp luật hiện hành. Hồ sơ lưu trữ tại UBND xã N không chứng minh được thời điểm mở đường giao thông, bản đồ 299 cũng không thể hiện đường giao thông mới mở cũng như phần diện tích đất xen kẹt. Vì vậy, phần diện tích 300m² đất tăng thêm mà hộ ông N sử dụng là sau năm 1984 nhưng không xác định được hộ ông N sử dụng đất trước hay sau ngày 15/10/1993 nên không có cơ sở để khẳng định phần diện tích 300m² đất tăng thêm của hộ ông N là đất ở.

[6] Khi lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có biến động về diện tích nhưng UBND xã N chỉ căn cứ vào hồ sơ đo đạc địa chính mà không căn cứ vào nguồn gốc và thời điểm sử dụng phần diện tích đất tăng thêm của hộ ông N, bà A dẫn đến việc UBND huyện T1, tỉnh T đã công nhận quyền sử dụng đất ở đối với toàn bộ 630m² đất hộ gia đình ông N, bà A đang sử dụng là không đúng quy định của Luật đất đai năm 2003 cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai. Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND huyện T1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Thành N và bà Lê Thị A là có căn cứ. Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND huyện T1 là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông N, bà A là có căn cứ. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[7] Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông N là người cao tuổi và đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc cho ông N.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Thành N; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2021/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Ông Nguyễn Thành N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

****Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Mai